TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2023
" *V/v ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử** - CB nghỉ hưu
Bà **Dương Thị Thu Hồng** - HPN xã Cẩm Ninh
- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký toà án huyện Ân Thi
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà*:
Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Diệu L, sinh năm 1995 *(vắng mặt)*
- *Bị đơn:* Anh Phạm Duy A, sinh năm 1988 *(vắng mặt)*
- *Người có quyền lợi liên quan:*
1. Cháu Phạm Tiến D, sinh năm 2018
2. Cháu Phạm Tiến H, sinh năm 2019
- *Người đại diện cho cháu D, cháu H:* Chị L, anh A
Nơi cư trú: Đội 3 thôn C, xã M, huyện A, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của chị L trong quá trình tố tụng thể hiện: Chị và anh A có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 5 tháng sau đó xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 31/5/2017. Trước đây chị và anh A cũng đều đã từng kết hôn với người khác nhưng đã ly hôn. Sau khi thành vợ chồng, chị L về chung sống cùng gia đình anh A tại thôn C, xã M. Cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu tình cảm hạnh phúc, năm 2019 thì vợ chồng ở riêng và trong khoảng thời gian này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau về những vấn đề nhỏ nhặt cuộc sống. Nguyên nhân là do anh A ham chơi, không chịu làm lụng kiếm tiền lo cho gia đình, mọi chi phí đều xin bố mẹ. Bên cạnh đó anh A cục tính thường xuyên đánh chị, mẹ chị xuống can anh A còn chửi cả mẹ chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh A không nghe, không tôn trọng vợ. Vì quá mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân, lại sợ anh A đánh đập nên đầu năm 2021 chị tìm cớ đi làm xa để lẩn tránh, vợ chồng ly thân từ thời

đó đến nay, thi thoảng chị về thăm con xong lại đi. Nay chị xác định tình cảm không còn và không thể chung sống được với anh A được nữa, chị kiên quyết ly hôn anh A.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do, sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh A mới đến Tòa làm việc và theo anh A vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị L không biết làm việc nhà, không chịu khó làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, Đầu năm 2021, chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sau đó là đi làm ăn ở đâu anh không biết. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Thời gian sống ly thân, chị L vẫn thỉnh thoảng về thăm con vì các cháu sống cùng với anh. Bố mẹ anh có khuyên giải nhưng chị L vẫn quyết bỏ con không về nhà, có vài lần mẹ chị L xuống nhà thăm cháu hai gia đình cũng có trao đổi, tìm cách hoà giải nhưng không có kết qủa. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh nhất trí vì anh cũng không còn tình cảm, thời gian ly thân cũng đã lâu, anh cũng mong giải quyết để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh A, chị L có hai con chung là Phạm Tiến D, sinh năm 2018 và Phạm Tiến H sinh năm 2019, sau khi anh chị ly thân thì các cháu vẫn ở cùng anh A và ông bà nội. Vợ chồng ly hôn, anh A chị L thống nhất để anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi tròn 18 tuổi. chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh A.

Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh A đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Bà Phạm Thị M - mẹ đẻ của chị L cho biết: Chị L và anh A lấy nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M năm 2017. Sau kết hôn thì hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh A. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và có hai con trai là Phạm Tiến D, sinh năm 2018 và Phạm Tiến H sinh năm 2019. Sau đó thì mâu thuẫn, bà không ở cùng nên không biết chỉ thấy chị L hay bỏ về nhà và nói hay bị anh A đánh đập chửi mắng. Từ đầu năm 2021, chị L lấy cớ đi làm xa chỉ thỉnh thoảng về nhà thăm con. Hai cháu ở cùng với anh A, chị L chỉ gửi tiền về để nuôi con. Bà đã hỏi và nói chuyện với thông gia, hai bên có trao đổi và nhiều lần khuyên ngăn kể cả răn đe bắt chị L quay về nhưng chị L không nghe, chị kiên quyết đòi ly hôn. Khuyên giải không được nên bà để cho chị L tự quyết định, bà không can thiệp.

- Ông Phạm Duy N- bố đẻ anh A cho biết: Anh A, chị L kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu khoảng 3 tháng và đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Sau khi kết hôn, chị L và anh A chung sống cùng ông. Quá trình chung sống ông không thấy vợ chồng có vấn đề gì. Vợ chồng có hai con là cháu H và D. Sau khi sinh cháu thứ 2 thì ông bà để anh A và chị L ra ở nhà riêng nhưng cùng thửa đất với gia đình ông. Sau đó ông thấy chị L thường bỏ về nhà mẹ đẻ, đầu năm 2021 thì chị L đi làm ăn, thỉnh thoảng mới về thăm con. Khi chị L đi, ông cũng có khuyên về chăm con nhưng chị L kệ hai cháu cho anh A và ông bà chăm. Ông có trao đổi với thông gia nhưng cũng không khuyên được. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh A, ông và gia đình thông gia không khuyên nên để anh chị tự quyết định. Về con chung ông Ngan đề nghị Toà án để anh A chăm sóc hai con đến khi thành niên, ở góc độ gia đình ông có đơn cam đoan sẽ hộ trợ anh A, chị L chăm sóc hai cháu và không ngăn cản việc thăm nom của chị L.

- Ông Phạm Duy V- trưởng thôn C cung cấp: Trước đây anh A và chị L cũng đều từng có gia đình và đã ly hôn, kết hôn cả hai đều là lần 2. Quá trình chung sống,

sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh A, sau khi sinh cháu thứ 2 là D năm 2019 thì vợ chồng ra ở riêng. Sau khi kết hôn chị L không đi làm gì mà ở nhà chăm con, vợ chồng ông Ngan bao bọc cả hai vợ chồng. Anh A, chị L không đánh cãi chửi nhau nhưng chị L hay bỏ về nhà mẹ đẻ, thỉnh thoảng về thăm con rồi đi. Mâu thuẫn vợ chồng cụ thể ông không nắm được. Về con chung: anh chị có hai con chung hiện sống cùng anh A và ông bà nội của cháu.

- *Xác minh tại UBND xã M cung cấp*: Anh A, chị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường và có hai con chung là Phạm Tiến D, sinh năm 2018 và Phạm Tiến H sinh năm 2019. Việc vợ chồng mâu thuẫn như thế nào UBND xã không nắm được nhưng chị L bỏ về nhà mẹ đẻ và nhiều lần ra xã xin thủ tục để yêu cầu ly hôn. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được. Chị L có đơn yêu cầu ly hôn, quan điểm của UBND xã đề nghị toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký:

Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về căn cứ pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 238 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, 56, 81,82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

- Về tình trạng hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A có kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện A vào ngày 31/5/2017 là hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chị L, anh A chung sống hoà thuận, hạnh phúc và sinh được 02 con chung là cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 09/4/2018, Phạm Tiến H sinh ngày 27/12/2019. Đến khoảng năm 2021 theo chị L trình bày thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do anh A chơi bời không chịu làm ăn, không lo cho gia đình, nghiện ma túy nên chị đã đi làm ở xa ly thân với anh A từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Toà án cho ly hôn anh A. Anh A trình bày vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ trong sinh hoạt hàng ngày tích tụ lại, xích mích nhỏ có lúc cũng tát chị L nhưng không gây thương tích gì anh không nghiện ma túy do L hiểu nhầm. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh nhất trí vì không còn tình cảm. Chính vì vậy, có đủ căn cứ để thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn anh A là có căn cứ và cần chấp nhận yêu cầu này của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng chị L, anh A có 02 con chung là cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 09/4/2018, Phạm Tiến H sinh ngày 27/12/2019. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh A. Anh A mong muốn được nuôi cả hai cháu H và D không yêu cầu chị L

cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị L không muốn các con phải chia tách đồng ý để anh A nuôi dưỡng. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Nên giao cho anh A nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh A không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công sức, công nợ: Do các đương sự không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Diệu L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Duy A và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là anh Phạm Duy A cư trú tại thôn C, xã M, huyện A, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

Tại phiên tòa, anh A, chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị L, anh A xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện A vào năm 2017, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, anh A, chị L và người làm chứng đều xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị L và anh A đều đưa ra những nguyên nhân lý do khác nhau, vợ chồng đã có thời gian ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A, chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều xác định tình cảm không còn và đã thuận tình ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Tiến D, sinh năm 2018 và Phạm Tiến H sinh năm 2019. Vợ chồng ly hôn, anh A đề nghị nhận nuôi cả hai con chung vì không muốn các cháu chia rẽ, chị L cũng nhất trí để anh A trực tiếp nuôi các con chung. Anh A không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh A hiện là lái xe, có công việc ổn định, đủ khả năng để nuôi con chung. Bên cạnh đó, ông bà nội của các cháu là ông Ngan, bà Thắm cũng tha thiết được chăm sóc các cháu. Do vậy, sẽ giao con chung của anh chị cho anh A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A vì anh không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh A, chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Diệu L, xử cho chị L được ly hôn anh Phạm Duy A.

2. Về con chung: Giao cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Phạm Tiến D, sinh năm 2018 và Phạm Tiến H sinh năm 2019 đến khi đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh A. Sau khi ly hôn, chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003096 ngày 16/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lương Thị Thuỷ

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Trần Quang Chử **Dương Thị Thu Hồng** **Lương Thị Thuỷ**